

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 11 tháng 3 năm 2021 và yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

**XÉT THẤY:**

Các bên khi tham gia hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, các bên không có sự thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên:**

Người khởi kiện: anh **La Đông H** – sinh năm: 1987

Địa chỉ: ấp A, xã T Ph, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu

Người bị kiện: chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp A, xã T Ph, thị xã G R, tỉnh Bạc Liêu

**2. Nội dung hòa giải thành được công nhận:**

**2.1. Về hôn nhân:** anh La Đông H và chị Nguyễn Thị N tự nguyện thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** anh La Đông H và chị Nguyễn Thị N thống nhất có hai người con chung tên La Tuấn K – sinh ngày 23/9/2010 và La Giai Y – sinh ngày 30/5/2014. Khi ly hôn, anh H và chị N thống nhất giao con chung tên La Tuấn K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung tên La Giai Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: anh H và chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với con chung mà mình trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H và chị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai có quyền cản trở.

**2.3.** Về tài sản và nợ chung: anh La Đông H và chị Nguyễn Thị N thống nhất không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Các đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

*Nơi nhận:*

- VKSND T.X Giá Rai
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu.

**Thẩm phán**

**Lê Quốc Khởi**